

Bản án số: 116/2024/HS-ST

Ngày: 24/05/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông V

Bà D

- Thư ký phiên tòa: Bà V – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà T- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2024/TLST- HS ngày 17 tháng 04 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 05 năm 2024, đối với bị cáo:

NGUYỄN THẾ V, sinh năm: 2002, tại: H; Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã V, huyện Đ, H; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: V Nam; Con ông: Nguyễn Thế H và bà: Trần Thị P; Tiền sự: Không; Tiền án: không; Đầu thú ngày 04/01/2024; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02- Công an thành phố H; Có mặt.

*** Người bị hại:**

- Chị Trần Minh Ngọc T, sinh ngày 1998; Cư trú: Số nhà 4 ngõ 924/93/7 đường N, tổ 6, phường T, quận H, H(Vắng mặt).

- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1999; Cư trú: Thôn S, xã V, huyện Đ, H(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

-Anh Ngô Quốc T, sinh năm: 2000; Cư trú: số 16, ngách 41 ngõ 401 C, phường C2, quận B, H(Vắng mặt).

-Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1996; Cư trú: Số 1 ngõ 187 T, xã T, huyện T, H(Vắng mặt).

- Anh Chử Văn S, sinh năm: 1994; Cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện Đ, H(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 29/12/2023, Nguyễn Thế V đến số nhà 18, ngõ 37 Đại Đồng, phường T, H, H ký “*Hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh & nhạc cụ*” với chị Trần Minh Ngọc T (sinh ngày 1998; Cư trú: Số nhà 4 ngõ 924/93/7 đường N, tổ 6, phường T, quận H, H) để thuê 01 máy XDJ-RX3 thời hạn 01 ngày, với giá thuê là 800.000 đồng/01 ngày, V để lại giấy phép lái xe ô tô B2 mang tên Nguyễn Thế V cho chị T để làm tin. Đến 19 giờ 00 cùng ngày, theo sự giới thiệu của V, Nguyễn Mạnh C (sinh năm 1998; Trú tại V, Đ, H) cũng đến số nhà 18 ngõ 37 Đại Đồng, phường T, H, H ký “*Hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh & nhạc cụ*” và thuê của chị T 01 máy XDJ-RX2 thời hạn 02 ngày, giá thuê là 800.000 đồng/01 ngày, C đặt lại 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Mạnh C để làm tin.

Đến tối ngày 29/12/2023, V mang máy DJ đi đánh nhạc ở đám cưới anh Nguyễn Hữu T(địa chỉ: thị trấn X, C, H) và ngủ lại, sau đó mang bàn DJ về nhà cất. Đến chiều ngày 30/12/2023, do cần tiền tiêu xài nên V đã mang bàn DJ RX3 đến cửa hàng cầm đồ của anh Chử Đức S (Địa chỉ: thôn Đ, xã V, Đ, H) cầm cố được số tiền 30.000.000 đồng (C gửi lại cho S 2.000.000 đồng để cảm ơn và thực nhận 28.000.000 đồng). C đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Hết hợp đồng là 19 giờ 30 ngày 30/12/2023, chị T có gọi điện cho V để thông báo trả máy XDJ-RX3 thì V đề nghị chị T cho V thuê thêm 01 ngày và hẹn đến sáng ngày 31/12/2023 sẽ trả máy và thanh toán đầy đủ, chị T đồng ý.

Nguyễn Văn C sau khi thuê được máy XDJ-RX2 của chị T, tối ngày 29/12/2023 C đã đến đám cưới của anh Hà Minh Q(sinh năm 1998, HKTT: S, V, Đ, H) để đánh nhạc. Khoảng chiều tối ngày 30/12/2023, do cần tiền để giải quyết việc riêng nên C nhờ bạn là Nguyễn Công Nghĩa (sinh năm 1994; là bạn xã hội của C) đi cầm cố máy DJ mà C thuê của chị T để lấy tiền giải quyết việc riêng. Nghĩa báo lại với C là Nghĩa không biết chỗ cầm cố nên Nghĩa nhờ V cùng đi cầm cố máy DJ trên, C đồng ý để V và Nghĩa cùng nhau đi đến nhà

anh Ngô Quốc T ở ngõ 401 C, phường C2, quận B, H cầm cố bàn DJ cho anh T lấy 25.000.000 đồng nhưng anh T không đồng ý cầm cố mà yêu cầu bán luôn bàn DJ nên Nghĩa đã hỏi C và viết giấy bán bàn DJ cho anh T (thực tế là chỉ cầm cố), sau đó anh T đã chuyển số tiền 24.850.000 đồng vào số tài khoản 0849632345 ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Thế V (thiếu 150.000 đồng do V bớt cho anh T). Sau đó, V nói với C là đã cầm cố bàn được 25.000.000 đồng nhưng do phải trả trước lãi suất nên chỉ nhận được số tiền 23.500.000 đồng và đã chuyển vào tài khoản của C số tiền này, C chuyển lại cho V 300.000 đồng nói là tiền cảm ơn đã chỉ chỗ cầm cố bàn DJ. V được hưởng số tiền chênh lệch do cầm máy hộ cho C số tiền 1.650.000 đồng.

Đến 7 giờ ngày 31/12/2023, V gọi điện cho C nói là “*em đi trả máy (bàn DJ) anh có trả luôn không thì em trả hộ luôn*” và bảo C chuyển số tiền 25.000.000 đồng cho Ngô Quốc T để V đến chỗ T lấy máy XDJ-RX2 về trả cho chị T. C đã nhờ bạn gái là Nguyễn Thị Hồng N chuyển vào số tài khoản 7868683869999 ngân hàng MBBank của anh Ngô Quốc T số tiền 25.000.000 đồng nội dung “Tra tiền ban dj” và thông báo với chị T việc C đã nhờ V mang máy XDJ-RX2 đến trả cho chị T và thanh lý hợp đồng.

Sau khi C chuyển tiền cho anh T, V đã gọi điện cho anh T hẹn đến lấy bàn DJ nhưng do V không xoay sở được tiền để lấy bàn DJ đã cầm cho anh Chữ Đức S và cũng không có tiền chi tiêu cá nhân, trả nợ nên đã yêu cầu anh T chuyển lại số tiền 25.000.000 đồng mà C vừa chuyển cho anh T và tài khoản cá nhân của V. Sau khi anh T chuyển khoản cho V số tiền 25.000.000 đồng thì V đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết và không có tiền để chuộc lại máy để C trả cho chị T mà chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng của C.

Đến sáng ngày 31/12/2023, hết hợp đồng cả hai máy nên chị T gọi điện thoại cho C yêu cầu trả máy XDJ-RX2 thì C bảo đã đưa máy mà C thuê cho V đem trả hộ rồi và nhờ chị T liên lạc giúp với V để bảo V mang trả cả hai máy cho chị T theo hạn hợp đồng. Sau đó, C và chị T đều không liên lạc được với V và cũng không gặp được V. Đến ngày 02/01/2024, chị T biết V đã cầm cố 02 máy DJ trên lấy tiền chi tiêu, V có thỏa thuận với chị T để đi kiểm tiền lấy bàn DJ về trả cho chị T, chị T không đồng ý và yêu cầu V trả ngay nhưng V không có tiền để chuộc máy về trả. Ngày 04/01/2024 chị T trình báo đề nghị cơ quan Công an xác minh làm rõ. C biết chị T đến cơ quan công an trình báo sự việc nên đã hỏi anh T và biết máy DJ vẫn đang ở chỗ anh T nên nhờ bạn gái là chị Nguyễn Thị Hồng N chuyển số tiền 25.000.000 đồng cho anh T (lần thứ 2) và chuộc máy XDJ-RX2 về giao nộp cho Cơ quan công an. V không có

khả năng trả lại tiền cho anh C. Ngày 17/01/2024, anh Nguyễn Mạnh C có đơn tố giác đối với Nguyễn Thế V và đề nghị xử lý.

Ngày 04/01/2024, V biết chị T trình báo sự việc nên đã đến cơ quan Công an đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- Thu của chị Trần Minh Ngọc T 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Mạnh C; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thế V; 02 Bản Hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh và nhạc cụ; 01 USB màu trắng nhãn hiệu Kingston bên trong có 02 video ghi nhận hình ảnh Nguyễn Thế V và Nguyễn Mạnh C ký hợp đồng thuê máy DJ của chị T; 01 Phiếu xuất kho của máy XDJ 3 màu đen Pioneer.

- Thu của chị Nguyễn Thị Hồng N 01 chiếc máy XDJ-RX2 màu vàng đen nhãn hiệu Pioneer.

- Thu của Nguyễn Mạnh C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu trắng có số imei 353742530998004 đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Thế V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng có imei 355842082821030 đã qua sử dụng.

- Thu của ông Chử Đức C (bố đẻ của Chử Đức S) 01 chiếc máy XDJ-RX3 màu đen nhãn hiệu Pioneer.

Kết luận định giá tài sản số 54/KL- HĐĐGTS ngày 21/3/2024, của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự quận H kết luận: 01 máy XDJ-RX3 màu đen nhãn hiệu PIONEER có giá trị 40.000.000 đồng; 01 máy XDJ – RX2 màu vàng đen nhãn hiệu PIONEER có giá trị 30.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản, Nguyễn Thế V đã chiếm đoạt vào các ngày 30/12/2023 và 31/12/2023 là 65.000.000 đồng.

Cơ quan công an đã thu hồi 02 chiếc máy XDJ-RX2 và XDJ-RX3 trao trả cho chị T, hiện chị T không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Anh Nguyễn Mạnh C yêu cầu Nguyễn Thế V phải bồi thường cho anh C số tiền 25.000.000 đồng.

Anh Chử Đức S yêu cầu Nguyễn Thế V hoàn trả cho anh S số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 100/CT-VKSHM ngày 15/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố Nguyễn Thế V tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thế V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng số 100/CT-VKSHM ngày 15/04/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình bị truy tố là đúng tội, quá trình điều tra không bị ai đánh đập, đe dọa, ép cung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Thế V từ 32 tháng tù đến 36 tháng tù ;

- Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo;

-Trách nhiệm dân sự: người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận bồi thường và không có yêu cầu nên không xét.

[3]. Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận nội dung truy tố, luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo mà Kiểm sát viên đã đưa ra là đúng, không oan, sai nên không có tranh luận gì.

[4]. Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2].Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Xét hành phạm tội của bị cáo: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa thể hiện: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu được trong vụ án và kết luận định giá tài sản. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 29/12/2023, tại số nhà 18, ngõ 37, Đại Đồng, phường T, quận H, thành phố H, Nguyễn Thế V ký “*Hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh & nhạc cụ*” để thuê của chị Trần Minh Ngọc T (sinh năm 1998; Trú tại T, H, H) 01 máy XDJ-RX3 có giá trị 40.000.000 đồng, mục đích để dùng chơi nhạc tại đám cưới trong 01 ngày. Chiều ngày 30/12/2023, do cần tiền ăn tiêu nên V đã mang máy DJ thuê của chị T đi cầm cố cho anh Chử Đức S ở Đ, V, Đ, H lấy số tiền 30.000.000 đồng và sử dụng ăn tiêu cá nhân hết, hiện không có khả năng chuộc lại máy trả cho chị T.

Khoảng 7 giờ ngày 31/12/2023, Nguyễn Thế V đã lợi dụng sự tin tưởng của Nguyễn Mạnh C để chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng (tiền nhờ chuộc máy XDJ-RX2), sử dụng chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả lại tiền cho anh C.

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thế V chiếm đoạt của chị T và anh C là 65.000.000 đồng.

Hành vi nhận được tài sản của người khác thông qua sự tin tưởng và bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để hai lần chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 65.000.000 đồng của người khác khi có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp của bị cáo Nguyễn Thế V đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận H truy tố theo tội danh và điều luật trên là hoàn toàn đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự ổn định xã hội, tạo dư luận bất bình đối với người bị hại và những người liên quan. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hậu quả nguy hiểm xảy ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi cá nhân thể hiện ý thức của bị cáo là xem nhẹ pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Trong một khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 65.000.000 đồng. Vì vậy,

cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời cũng để đảm bảo công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, bị cáo đầu thú hành vi phạm tội; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo đã bồi thường cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm Hình sự cho bị cáo.

[5]. Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là chị Trần Minh Ngọc T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Quá trình điều tra, người bị hại là anh Nguyễn Mạnh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà anh C bị chiếm đoạt 25.000.000 đồng. Trước thời điểm xét xử, anh C đã được gia đình bị cáo thay mặt bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Anh C đã nhận bồi thường đầy đủ và không có yêu cầu dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hồng N đã 02 lần chuyển tiền cho anh Nguyễn Mạnh C đến tài khoản của anh Ngô Quốc T với tổng số tiền 50.000.000 đồng. Chị N khai anh C đã hoàn trả cho chị N số tiền trên. Chị N không có yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Quốc T nhận cầm cố chiếc máy XDJ-RX2 của Nguyễn Mạnh C nhưng không biết là tài sản do C thuê của người khác, nên cơ quan công an không xử lý. Anh T đã trả lại tài sản và nhận lại toàn bộ số tiền cầm cố, anh C không có yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Chử Đức S cho V vay số tiền 30.000.000 đồng và V có để lại chiếc máy XDJ-RX3 làm tin. Anh S không biết là đó tài sản do C thuê của người khác và anh S đã giao nộp lại chiếc máy XDJ-RX3 cho cơ quan công an nên cơ quan công an không xử lý. Quá trình điều tra, anh S yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh S số tiền mà

anh S đã cho V vay là 30.000.000 đồng. Trước thời điểm xét xử, anh S đã được gia đình bị cáo thay mặt bị cáo hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng. Anh S đã nhận hoàn trả đầy đủ và không có yêu cầu dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[7]. Các vấn đề khác.

Đối với hành vi của Nguyễn Mạnh C thuê máy XDJ-RX3 của chị Trần Minh Ngọc T và mang máy đi cầm cố là không đúng với các quy định trong hợp đồng thuê đã ký kết. Tuy nhiên khi trong thời hạn cho thuê C đã chuyển tiền để chuộc máy trả lại cho chị T nhưng bị V chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng mà không chuộc máy về trả cho chị T là ngoài ý thức chủ quan của C. Hiện C đã chuyển số tiền 25.000.000 đồng để chuộc máy và trả cho chị T. Do đó, không đủ căn cứ để xác định C có mục đích chiếm đoạt chiếc máy XDJ-RX3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Nguyễn Công Nghĩa được Nguyễn Mạnh C nhờ đem máy XDJ-RX2 đi cầm cố hộ và lấy tiền đưa cho C, quá trình điều tra hiện không đủ căn cứ xác định Nghĩa chiếm đoạt tài sản của chị T và của C nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với số tiền 1.650.000 đồng V hưởng chênh lệch khi đi cầm cố máy XDJ-RX2 hộ cho C, là tiền C cho riêng V và không đề nghị lấy lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

Trước thời điểm xét xử, ông Nguyễn Thế Hợp là bố đẻ của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho người bị hại là anh C số tiền 25.000.000 đồng, bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chử Đức S số tiền 30.000.000 đồng. Theo lời khai của ông Hợp và bị cáo số tiền 55.000.000 đồng mà ông Hợp thay bị cáo bồi thường cho anh C và anh S là tiền riêng của bị cáo mà ông Hợp đã cho bị cáo để kinh doanh. Nay vì bị cáo đang bị tạm giam nên có nhờ ông sử dụng số tiền này để bồi thường cho anh C và anh S. Ông Hợp không liên quan gì đến số tiền này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa ông Nguyễn Thế Hợp tham gia tố tụng trong vụ án.

[8]. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với số vật chứng thu giữ của chị Trần Minh Ngọc T là 02 Bản hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh và nhạc cụ ngày 29/12/2023, 01 USB ghi lại hình ảnh của Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thế V ký hợp đồng, là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo V nên tiếp tục lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 02 giấy tờ cá nhân và 02 điện thoại di động của Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thế V đã thu giữ là tài sản cá nhân của C và V nên đã trả lại cho C và gia đình của V nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thế V phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự và các điều luật quy định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

[10]. Quyền kháng cáo: bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Điểm c Khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử phạt: Nguyễn Thế V 34 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2024.

* Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

*Trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không xét.

* Biện pháp tư pháp:

- Lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 02 Bản hợp đồng thuê dịch vụ âm thanh và nhạc cụ ngày 29/12/2023 (tại Bút lục: 209, 210, 210a, 210b), 01 USB ghi lại hình ảnh của Nguyễn Mạnh C và Nguyễn Thế V ký hợp đồng(tại Bút lục: 58).

*Án phí: Bị cáo Nguyễn Thế V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát quận Hoàng Mai;
- Thị hành án quận Hoàng Mai;
- Bị cáo;
- Người bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

H

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên

